

QUAN NIỆM VỀ CHỮ “TRUNG” CỦA NGÔ THÌ NHẬM

LƯU ĐÌNH VINH*

Ngô Thì Nhậm là một danh sĩ trí thức yêu nước, ông sống trong một giai đoạn đầy biến động của xã hội Việt Nam thế kỷ XVIII. Tinh thần yêu nước của Ngô Thì Nhậm được thể hiện qua quan niệm về chữ “trung” theo các giá trị tư tưởng của Nho giáo đương thời. Tuy nhiên, trước sự biến đổi của các điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, quan niệm về chữ trung của ông đã có những bước chuyển quan trọng về mặt nội dung, là động lực thúc đẩy Ngô Thì Nhậm đứng về phía những người nông dân Tây Sơn, đánh đuổi và ngăn chặn quân Thanh xâm lược Việt Nam lần thứ 2. Song, cũng chính những bước chuyển tư tưởng về chữ trung này cũng đã làm cho người đời hiểu sai về Ngô Thì Nhậm và từ đó đã có những đánh giá không chính xác về ông.

Từ khóa: Tư tưởng Ngô Thì Nhậm, tư tưởng trung quân, trung với nước

Nhận bài ngày: 1/8/2019; *đưa vào biên tập:* 5/8/2019; *phản biện:* 11/9/2019; *duyệt đăng:* 10/2/2020

1. DẪN NHẬP

Là một khái niệm đặc thù của Nho giáo, chữ “trung” trở thành một trong những hạt nhân quan trọng trong việc hình thành học thuyết chính trị - xã hội của các triều đại phong kiến ở Trung Quốc và các quốc gia có ảnh hưởng bởi văn hóa Trung Quốc. Trong những giai đoạn lịch sử cụ thể, quan niệm về chữ “trung” mang những nội dung hoàn toàn khác nhau: Trung trong Nho giáo nguyên thủy và Trung trong Nho giáo thời Hán, Tống, Minh, Thanh. Nếu chữ “trung” trong Nho giáo nguyên thủy có tính biện chứng sâu sắc thì chữ “trung” trong các học thuyết Nho giáo sau đó thể hiện tính

một chiều trong các quan hệ xã hội, với hạt nhân cốt lõi là vai trò và địa vị của nhà vua.

Ở Việt Nam, bắt đầu từ thời Hậu Lê, chữ “trung” được sử dụng như một giá trị đạo đức nhằm xác định và xây dựng một chuẩn mực đạo đức theo nguyện vọng của nhà nước phong kiến lúc bấy giờ. Trong đó, nội hàm của khái niệm về chữ “trung” của Hán, Tống, Minh Nho trở thành “khuôn vàng thước ngọc” được nhà nước phong kiến Việt Nam cụ thể hóa bằng các đạo luật trong quản lý đất nước. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, bắt đầu từ thời vua Trần Thái Tông đã quy định thành điều lệ và mỗi người, dù là quan hay dân, đều phải thề: “Làm tôi hết trung, làm quan trong sạch, ai trái thề này, thần minh giết chết” (Cao Huy

* Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Giu, 1971: 439). Đến thời nhà Lê, trong *Quốc triều chiếu lệnh thiện chính*, vua Lê Huyền Tông (1654 - 1671) ra chỉ dụ: “làm người phải lấy tam cương ngũ thường làm đường lối mà theo” (Vũ Văn Mẫu, 1971: 109). Như vậy, quan niệm về chữ trung của giai cấp phong kiến Việt Nam có nguồn gốc từ Hán Nho và sau này là các giá trị của Tống, Minh Nho.

Từ những biến động chính trị ở các thế kỷ trước, bước vào thế kỷ XVIII, nền kinh tế - chính trị - xã hội Việt Nam có những thay đổi mạnh mẽ. Sự chuyên quyền của chúa Trịnh ở Đàng Ngoài và cát cứ của chúa Nguyễn ở Đàng Trong, cùng với sự ức hiếp thiên tử nhà Lê đã làm băng hoại các giá trị Nho giáo, tác động tiêu cực đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, gây ra tình trạng chia cắt đất nước. Nho giáo lúc này đã không còn thỏa mãn được nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, trong đó có tầng lớp trí thức, trong việc giữ ổn định chính trị và sự bình yên cho đất nước. Đứng trước tình hình đó, quan niệm về chữ “trung” trong các tầng lớp nhân dân và trí thức đã có những thay đổi nhất định, hình thành các “trường phái” khác nhau. Một là, trường phái yếm thế, lánh đời vì bất mãn với thời cuộc nên đã từ bỏ chính sự triều đình, về ở ẩn và quyết không tham gia việc quan, việc nước như: Lê Hữu Trác (1720 - 1791); Nguyễn Thiếp (1724 - 1804); Phạm Quý Thích (1760 - 1825); Nguyễn Du (1766 - 1820); Phạm Nguyễn Du (1739 - ?). Hai là, trường

phái bảo thủ, cố chấp, cố ôm lấy chữ “cô trung” tuyệt đối của Tống Nho, chấp nhận hi sinh tất cả vì một triều đình mục ruỗng, không còn chỗ đứng trong lòng dân tộc, như: Trần Công Xán (1731 - 1787) tuấn tiết để phò Lê; Lý Trần Quán (1735 - 1786) tự chôn sống mình vì hối hận vô tình phản chúa Trịnh Tông; Trần Danh Án (1754 - 1794) đã để lại rất nhiều thơ văn và theo Lê Chiêu Thống đến phút cuối cùng. Khi biết tin Danh Án lưu lạc ở Bắc Giang, Nguyễn Huệ đã sai Ngô Thì Nhậm viết thư mời ra giúp nước nhưng ông vẫn kiên quyết không theo. Ngô Thì Chí - em trai Ngô Thì Nhậm, người đã khuyên Lê Chiêu Thống việc xin viện binh nhà Thanh và thân hành đi Lạng Sơn để chuẩn bị cho việc ấy. Ba là, trường phái thức thời. Những người này chiếm số ít trong tầng lớp trí thức, nhìn thấy được sự lạc hậu và không phù hợp của quan niệm về chữ “trung” trong ý thức hệ Nho giáo. Họ được chia thành hai loại: (i) trước sự sa đọa của nhà Lê - Trịnh, một bộ phận trong số họ tự mình đứng lên khởi nghĩa nhằm lật đổ sự thống trị của vua Lê - chúa Trịnh. Đại diện tiêu biểu là Nguyễn Hữu Cầu nổi tiếng với danh hiệu “Bảo dân đại tướng quân”, hay Phạm Công Thế - người đi theo nghĩa quân Lê Duy Mật và bị nhà Lê - Trịnh xử tội chết ... ; (ii) một bộ phận khác tự rũ bỏ vương triều đã hủ mục tìm đến những vị minh quân khác mà đại diện tiêu biểu là Ngô Thì Nhậm.

Ngô Thì Nhậm đã có những chuyển biến tích cực, xa rời những quan niệm

về “trung” trong Hán - Tống Nho, khôi phục những giá trị cốt lõi của “trung” trong quan niệm của Nho giáo Tiên Tần, đặc biệt chữ “trung” của ông đã tìm đến mục đích khác đó là đất nước, là nhân dân. Tuy nhiên, với những thay đổi về nội dung của quan niệm về chữ “trung”, Ngô Thì Nhậm đã bị một bộ phận trí thức nho thời kỳ này có cái nhìn thiếu thiện cảm, thậm chí có phần miệt thị và phê phán.

2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG QUAN NIỆM VỀ CHỮ TRUNG CỦA NGÔ THÌ NHẬM

2.1. Quan niệm về chữ trung gắn liền với chữ tín

Theo quan niệm của Hán - Tống Nho, “trung” mang ý nghĩa là hết lòng phụng sự và sẵn sàng tận tụy hi sinh vì vua. Nói đến “trung” (忠), tầng lớp trí thức nho học mặc nhiên hiểu đó là “trung quân” (忠君), là sự phục tùng tuyệt đối với vua – tức là người nuôi mình. “Tín” (信) là một trong những phẩm chất quan trọng trong Nho giáo, có nghĩa là làm đúng theo lời nói, cư xử đáng tin cậy. Trong Hán ngữ, chữ “tín” (信) nghĩa là niềm tin, là giữ điều hẹn ước, kết hợp bởi bộ “nhân” (亻) và chữ “ngôn” (言); hội ý rằng người có đức tín thì lời nói của người ấy phù hợp với hành vi, nói sao làm vậy, để tạo niềm tin nơi người khác. Vấn đề “trung tín” được Khổng Tử giảng rõ trong *Kinh Dịch*: “Quân tử tiến đức tu nghiệp. Trung tín sở dĩ tiến đức dã; tu từ lập kỳ thành, sở dĩ cư nghiệp dã” - Người quân tử tiến lên đạo đức, sửa cho sự nghiệp hoàn thành. Trung tín

để mà tiến đức, sửa lời nói cho thành khẩn để nên sự nghiệp (*Kinh Dịch*: Quẻ Thuần Kiền, Văn Ngôn). Như vậy trung tín (忠 信) theo quan niệm của Nho giáo là trung thành với lời hứa, lời nói một cách thật lòng và đáng tin cậy.

Là một trí thức nho học, được chúa Trịnh bổ nhiệm làm quan từ khi còn rất trẻ, Ngô Thì Nhậm thấm nhuần các tư tưởng “trung quân” trong quan niệm của Hán - Tống Nho. Nói về chữ trung, Ngô Thì Nhậm khẳng định: “Không trái lệnh thiên tử là trung” (Ngô Thì Nhậm, 2005b: 413). Thậm chí, với tư tưởng “trung quân” tuyệt đối của mình, Ngô Thì Nhậm chấp nhận: “Vua dẫu không sáng suốt nhưng có nhiều tôi hiền như vậy không thể bảo là không giúp được gì cho quốc gia” (Ngô Thì Nhậm, 2005b: 668).

Tư tưởng Ngô Thì Nhậm về “trung” phải kết hợp với “tín” thể hiện thành những nội dung như sau:

Thứ nhất “trung” kết hợp với “tín” là phương pháp hành động của người quân tử. Ngô Thì Nhậm khẳng định: “Đạo người trước hết phải giữ lấy điều tín; cửa thánh không gì bằng điều nhân” (Ngô Thì Nhậm, tập 1, 2003: 390). Theo ông, trung tín chính là một trong những nguyên nhân của mọi sự thành công của người quân tử. Ngô Thì Nhậm viết: “Không trung hậu thì giả dối, đã giả dối thì không thành thực; nếu không đốc tín thì sinh trễ nải, đã trễ nải thì không lâu bền. Trái lại, đã trung hậu thì thành thực, đã thành thực thì không chây lười; đã

đốc tín thì lâu dài, đã lâu dài thì vô cùng” (Ngô Thì Nhậm, tập 1, 2003: 497). Do đó, bản thân Ngô Thì Nhậm nguyện làm điều “trung tín” và ông tin rằng, nếu “trung tín” thì sẽ được sự chứng giám của đức Phật, của đạo trời, nên mọi việc cuối cùng cũng sẽ hanh thông. Trong *Bài ký bia hậu Phật chùa Đại Từ* ông viết: “Trung tín nếu bỏ lỏng/ Thì trăm hoa tranh giành/ Tranh giành rồi ra sao?/ Việc sai ý rời rạc./ Màu hồng tía dễ thay/ Xanh, trắng thành kém sức/ Sờ dĩ thể là sao?/ Lòng người chảy như thác/ Bia còn ghi ước sông/ Rùa về sông Hà Lạc/ Mắt Phật rất đáng hãi/ Soi xét tới hạ dân/ Cảm ứng rất gần gũi/ Ta nguyện đời sau này/ Được chứng quả Bồ Đề/ Trung tín không làm trái/ Y như ghi trong bia” (Ngô Thì Nhậm, tập 1, 2003: 498).

Thứ hai, Ngô Thì Nhậm tin rằng thực hành “trung tín” sẽ giúp mỗi người hình thành bản lĩnh vượt qua được tất cả những khó khăn nhất thời của cuộc sống. Trong cuộc đời quan nghiệp của mình, Ngô Thì Nhậm gặp ít nhất là hai lần gian truân trắc trở. Lần thứ nhất là bị hàm oan ở phủ chúa Trịnh và phải trốn chạy để bảo toàn tính mạng. Lần thứ hai là bị thất sủng trong triều Quang Toản. Tất cả những lần thất vọng trong sự nghiệp, Ngô Thì Nhậm luôn tin tưởng vào kết quả của việc thực hành “trung tín” của mình. Bởi theo ông: “giữ trung tín, trẻ hiền vinh, già được vẹn toàn” (Ngô Thì Nhậm, tập 1, 2003: 343). Với quan niệm về trung tín theo cách hiểu vận dụng của

minh, Ngô Thì Nhậm chấp nhận sự lạc lõng so với tầng lớp trí thức nho học lúc bấy giờ, ông chấp nhận mọi gièm pha và luôn kiên định với lý tưởng đã được xác định. Ngô Thì Nhậm tâm niệm “lấy nhân nghĩa làm sào chống, trung tín làm bánh lái/ Hằng năm làm chiếc bè thả dưới sao Đẩu sáng ngời” (Ngô Thì Nhậm, tập 2, 2004: 360).

Tin và làm theo trung tín, nên trong những lúc đau bệnh bất ngờ, Ngô Thì Nhậm tin tưởng và động viên mình: “Giữ lòng trung tín, phần nhiều tự khỏi bệnh/ Quản chi mà chẳng gắng gượng cho thêm hăng hái tinh thần” (Ngô Thì Nhậm, tập 3, 2005: 225).

Tuy nhiên, đời sống chính trị Việt Nam thế kỷ XVIII đã làm lu mờ các giá trị của “tín”. Khi chứng kiến sự tranh hùng của chúa Trịnh - Nguyễn, cũng như sự ức hiếp thiên tử của chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, Ngô Thì Nhậm cảm nhận được sự bất tín trong tư tưởng trung quân của xã hội đương thời. Chính sự bất tín này đã phá vỡ những giao ước xã hội, trở thành một trong những nguyên nhân quan trọng hủy hoại các rường mối trong “ngũ luân” của Nho giáo và góp phần tạo nên những cuộc nội chiến triền miên, gây ra biết bao lầm than cho nhân dân. Nhận thức được sự bất tín trong các quan hệ xã hội, chữ “trung” trong tư tưởng Ngô Thì Nhậm đã có những sự dao động và chuyển biến nhất định. Đánh dấu sự dao động và chuyển biến trong tư tưởng trung quân của Ngô Thì Nhậm là việc ông lên án gay gắt sự thất tín

trong quan hệ giữa vua chúa với thần dân, và giữa vua chúa với nhau, cụ thể là sự thất tín của hai chúa Trịnh - Nguyễn trong việc chấm dứt xung đột, gìn giữ sự bình yên cho nhân dân và trong những lời hứa, cũng như những tuyên bố về sự “phò Lê” thể hiện tại các giao ước được ký kết.

Trong tình hình kinh tế - chính trị - xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, chứng kiến sự thất tín đang ngày càng trở nên phổ biến, Ngô Thì Nhậm đã chỉ ra những việc làm cụ thể được ông xem là không gắn liền “trung” với “tín”. *Một là*, dùng lời nói ngụy biện để đạt mục đích cá nhân. Lúc này, Ngô Thì Nhậm đã nhận thức rõ ràng sự loạn danh của triều đình vua Lê - chúa Trịnh. Một nước vừa có vua lại vừa có chúa. Ông cũng thấy được sự ức hiếp thiên tử của gia đình chúa Trịnh hơn hai trăm năm qua để đến nỗi, tất cả các cuộc khởi nghĩa cho dù là của nông dân hay của tầng lớp trí thức nho học, đều nêu cao khẩu hiệu “phò Lê diệt Trịnh”. Thậm chí, chúa Nguyễn ở Đàng Trong cũng mang theo tư tưởng “phò Lê” để gây dựng lực lượng, tạo thành một lãnh thổ riêng, chia cắt đất nước. Nhận thức được sự gian dối trong các khẩu hiệu “phò Lê” của các tập đoàn phong kiến, trong việc là bề tôi mà ức hiếp thiên tử, bắt thiên tử phải thực hiện theo ý muốn của bản thân và xong việc thì hô hào rằng làm như thế vì “trung với vua”, Ngô Thì Nhậm thẳng thừng: “Không phải vậy, đó chỉ là hành động của bọn hiệp khách lão luyện, không thể làm tấm

gương cho kẻ khác noi theo” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 540). *Hai là*, cố tình che đậy, giấu giếm thiên tử và dùng các thủ đoạn chính trị tự ý xử lý những công việc quốc gia đại sự có lợi cho bản thân. Trong thời gian còn làm quan cho triều đình, Ngô Thì Nhậm đã chứng kiến sự tham lam “lừa trên gạt dưới” của bọn quan lại lúc bấy giờ. Trong bài tấu “ghi lại sự trạng Hoàng Văn Đồng ở Tuyên Quang”, ông đã chỉ ra “sự gian xảo của nó là không hình dung hết” của Huân Trung Hầu và Nghi Trung Hầu. Trong đó, Nghi Trung Hầu nhận lệnh vua đi giữ gìn an ninh tại mỏ đồng Tự Long - Tuyên Quang. Tuy nhiên, Nghi Trung Hầu tham lam những nhiều việc làm ăn của dân, đồng thời móc ngoặc với bọn tham quan địa phương để tìm kiếm lợi ích cá nhân. Vì đã lấy tiền đút lót của tham quan địa phương nên “Nghi Trung Hầu nghe có biến, giấu đi không cho triều đình biết” và khi sự việc không thể cứu vãn được nữa, Nghi Trung hầu phải: “mãi lâu sau mới báo là có cướp, xin với triều đình truyền cho viên phiên thần bản trấn đi bắt” (Ngô Thì Nhậm, tập 1, 2003: 481). Ngô Thì Nhậm gọi đó là “mưu chước của bọn gian thần, làm quốc gia mắc sai lầm” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 545). *Ba là*, sử dụng những nghi lễ long trọng nhưng chỉ mang tính hình thức. Chữ “trung tín” được thể hiện trong nhiều lĩnh vực, trong đó có việc bang giao giữa các quốc gia với nhau, giữa các quan đại thần với nhau, giữa vua với thần dân của mình. Ngô Thì

Nhậm viết: “Không sai hẹn với nước lớn là tín” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 393). Mượn những điển tích trong thời Xuân Thu, Ngô Thì Nhậm gián tiếp nói về sự thất tín trong các hoạt động chính trị lúc bấy giờ. Theo Ngô Thì Nhậm, vì lòng “trung” không gắn với “tín” nên “Đấng quân tử nhiều lần ăn thề thì họa hoạn kéo dài” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 34). Quan hệ giữa các nước bề ngoài là thân tình thăm thiết nhưng thực chất đều vì lợi ích riêng của mỗi quốc gia cũng như lợi ích của đấng quân vương và không tồn tại chữ tín của “trung tín” trong các lời hứa ước, giao kèo. Ngô Thì Nhậm chỉ ra: “Tuy cùng giao kết mà tuyệt nhiên không có tín nghĩa gì, chỉ mượn điển lễ Thiên Vương làm lợi cho riêng mình” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 115). Ông kết luận: “Ở đời, việc chạy theo mỗi lợi không thể thay đổi” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 124). Với những mối lợi đó, người ta bất chấp cương thường đạo lý để thực hành cho bằng được và đối tượng chịu ảnh hưởng nhiều nhất của sự băng hoại đạo lý đó chính là nhân dân. Trong đời sống xã hội, có thể điều chỉnh những hành vi thất tín đó được không? Dẫn theo lời Khổng Tử, Ngô Thì Nhậm cho rằng: “Về hạng người không biết nghĩ ‘như thế nào’, thì ta đây cũng không biết ‘như thế nào’ mà dạy được” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 116). Câu nói của Ngô Thì Nhậm cũng phản ánh thực trạng của xã hội Việt Nam thế kỷ XVIII, đồng thời cũng cho thấy sự bất lực của Nho

giáo đối với việc điều chỉnh các hành vi của con người trong xã hội.

Tình hình kinh tế - chính trị - xã hội Việt Nam thế kỷ XVIII đầy hỗn loạn với danh thực lễ nghĩa suy tàn đến mức các nhà trí thức nho học cảm thấy bất lực trong việc khôi phục lễ giáo. Điều này cũng đánh dấu sự bất lực của Nho giáo trong đời sống tinh thần người Việt Nam lúc bấy giờ. Trong các mối quan hệ xã hội, cụ thể là mối quan hệ giữa vua và thần dân của mình, hay mối quan hệ giữa vua và các vị vua khác, đều không dựa trên tấm lòng trung thực. Từ sự không trung thực đó, mọi ý thức về “trung” được xem như những lời hứa suông và đều giả dối. Việc nhìn thấy phải kết hợp giữa trung và tín trong các quan hệ xã hội lúc này đã giải thích cho sự bất mãn của Ngô Thì Nhậm đối với sự cai trị của vua Lê - chúa Trịnh. Điều này tất yếu dẫn đến việc tìm kiếm và lựa chọn một đối tượng khác trong thực hành chữ “trung” trong tư tưởng Ngô Thì Nhậm.

Sau những tháng năm lần trốn triều đình vua Lê Chúa Trịnh, Ngô Thì Nhậm đã thấy được sự mục ruỗng trong đời sống chính trị lúc bấy giờ. Ông đã chứng kiến đội ngũ quan lại được hình thành từ những “thương cuộc” mua quan bán chức ngày càng phổ biến, vua chúa trọng dụng những người có “miệng lưỡi” chứ không coi trọng người thực tài. Vì vậy, xã hội xuất hiện một đội ngũ quan lại nham hiểm, lợi dụng tư tưởng trung quân để trục lợi cá nhân, gây ra bao nỗi lầm

than cho nhân dân. Trong thân phận người lánh nạn, Ngô Thì Nhậm thốt lên: “Nếu lòng trung tín bạc bẽo mà tính tô vẽ rườm rà, cốt chỉ làm “cái đồ bắt cá”, “cái lưới bắt thỏ”, thì đó là cái tội của hạng người giả nhân giả nghĩa”⁽¹⁾ (Ngô Thì Nhậm, tập 4 2005: 116). Theo Ngô Thì Nhậm: “Minh, thứ, trung, tín đều là cái ý nghĩa màu nhiệm của nền văn hiến” (Ngô Thì Nhậm, tập 1, 2003: 541). Chính vì thế, ông cực kỳ lên án và dành những lời lẽ nặng nề cho những người không giữ tấm lòng trung tín, lợi dụng “trung” mưu cầu quyền lợi riêng tư của bản thân. Ông viết: bọn “phản phúc không có lòng tin, chẳng khác gì phường bán buôn ngoài chợ búa. Kinh văn nói là ghét, là đúng vậy” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 34).

Vào những năm cuối thời Quang Toản, dù bị triều đình ghẻ lạnh nhưng Ngô Thì Nhậm vẫn tích cực tham gia miệt mài vào chính sự bởi lòng ông, trung tín không bao giờ buông. Ông viết trong tập thơ *Cấm đường nhàn thoai*: “No buồm trung tín, thuyền vẫn đương trôi” (Ngô Thì Nhậm, tập 3, 2005: 374). Hoặc trong một lần chèo thuyền trên sông Nhật Lệ, Ngô Thì Nhậm tức cảnh viết: “Căng buồm trung tín băng theo nước triều chảy xiết/ Chèo lan nhằm thẳng theo con đê cát/ Ngẩng trông chùm Tử Vi như đối diện với bạc chí tôn” (Ngô Thì Nhậm, tập 2, 2004: 371).

Bên cạnh đó, Ngô Thì Nhậm còn dùng “trung tín” để động viên bạn bè. Tiêu biểu như trong bài thơ *Mừng bạn*

được thăng chức, vâng mệnh lệnh mới, ông viết: “Khen ông đem lòng trung tín, thử cánh buồm đầu tiên” (Ngô Thì Nhậm, tập 1, 2003: 107).

2.2. Chữ “trung” gắn với quan niệm về “minh quân”

Ngay từ những ngày đầu làm quan cho triều đình Lê - Trịnh, Ngô Thì Nhậm đã chủ trương thực hiện sự trung thành tuyệt đối với vua, sẵn sàng vì vua mà tận tâm tận lực với công việc, thậm chí hi sinh cả tính mạng vì vua. Ngô Thì Nhậm khẳng định: “Kẻ trung thành không trái lời chúc của tiên quân, tôn sùng chính nghĩa nghìn thu vẫn như một ngày” (Ngô Thì Nhậm, tập 1, 2003: 391). Bằng tấm lòng trung thành tuyệt đối, Ngô Thì Nhậm không bao giờ xem danh lợi và chức tước là mục đích của đời mình. Ông khẳng định: “Chức phận bầy tôi, đương nhiên phải đi theo xa giá. Lòng tận trung tận ái coi cửa khuyết, cũng như chốn giang hồ” (Ngô Thì Nhậm, tập 1, 2003: 60). Theo Ngô Thì Nhậm, đối với người có lòng “trung” thật sự, làm việc với vua không phải là cơ hội để lấy lòng vua và mưu cầu mục đích danh lợi riêng tư, mà đó chính là cơ hội được làm việc, được khát khao cống hiến sức mình cho vua. Chữ “trung” theo Ngô Thì Nhậm đó chính là đạo đức, là lẽ sống ở đời. Như vậy, trong những tháng ngày mới ra làm quan nhà Lê - Trịnh, Ngô Thì Nhậm đã thể hiện rõ ông là một người trung thành tuyệt đối theo đúng những giá trị mà giai cấp phong kiến đương thời đã giáo huấn.

Tuy nhiên, một góc độ nhất định, Nho giáo Việt Nam có sự khác biệt với Nho giáo Trung Quốc. Một trong những sự khác biệt đó là quan niệm về đất nước của người Việt Nam so với quan niệm về quốc gia của người Trung Quốc (Trần Ngọc Thêm, 1997: 202, 224). Đối với người Việt, đất nước là nơi mà mỗi người Việt sinh ra và lớn lên, gắn chặt với đời sống kinh tế thuần nông – lúa nước; tạo thành nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người dân đối với đất nước, bảo vệ nó trước các thế lực ngoại xâm. Trong khi đó, khái niệm quốc gia trong quan niệm Nho giáo Trung Quốc thường gắn với tên họ của các vị vua, tên của vua được lấy làm tên của nước. Vua còn thì nước còn, vua mất thì nước mất. Trong tâm trí người Việt, vị vua nào có công với đất nước, có ý chí trong việc bảo vệ và xây dựng đất nước thì được gọi là minh quân, được mọi người tôn thờ; ngược lại là “hôn quân” bị mọi người trong nước ghét bỏ.

Kế thừa những giá trị yêu nước truyền thống, Ngô Thì Nhậm thường xem hạt nhân trong mọi hành động của vua chính là lợi ích tối thượng của người dân. Ngô Thì Nhậm cho rằng, người làm vua phải “biết bao dung nuôi nấng dân chúng thì mới thống trị được dân chúng. Nếu chỉ biết lợi mình mà không xét đến thiệt hại của người, thì thiếu đạo làm vua vậy” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 453) và “lấy xã tắc làm trọng” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 63). Những vị vua hoang dâm sa đà mỹ tửu “không lấy nhân nghĩa làm gốc...

cuối cùng có được ích lợi gì đâu” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 399). Trải qua bao thăng trầm trong cuộc sống, đến cuối đời, khi chiêm nghiệm giáo lý nhà Phật, Ngô Thì Nhậm ngộ thêm: “Làm vua mà không có lòng nhân ái, làm cha mà không có đức từ nhân là trái ý trời. Trái ý trời thì Nho gọi là giặc, Thích gọi là A ty ngục” (Ngô Thì Nhậm, tập 5, 2006: 391). Chữ “nhân” ở đây theo Ngô Thì Nhậm thể hiện trong mối quan hệ với dân. Vì vậy, vị vua nào vì những ham muốn tầm thường của mình mà “dùng sức dân quá lâu là bất nhân” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 96) hoặc nhà vua vì không suy xét cẩn thận, gây chiến tranh “có nghĩa là đem quân đi đánh mà không có danh nghĩa gì, mệt nhọc sức dân mà chẳng nên công trạng, thì gọi từng người ra mà chê trách” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 86). Như vậy, bề tôi đối với những vị vua bất nhân sẽ khác đối với các vị vua anh minh. Lòng “nhân” chính là cơ sở để thực hiện đức “trung”, “nếu chết vì một vị vua hiền đức anh minh, người làm bề tôi cũng sẵn lòng. Có thể nói, tư tưởng “trung quân” của Ngô Thì Nhậm lúc này đã thoát khỏi ảnh hưởng của Hán - Tống Nho, chuyển đổi từ “trung với vua” thành “trung với nước”. Điều này đã giúp Ngô Thì Nhậm tự tin và dũng cảm đứng về phía nghĩa quân Tây Sơn.

Vì vậy, trước sự rối ren của triều vua Lê - chúa Trịnh, tư tưởng trung quân của Ngô Thì Nhậm đã có sự chuyển biến nhằm khôi phục những giá trị tư tưởng chừng như đã cũ của Nho giáo

nguyên thủy, cũng như những giá trị “trung với nước” trong truyền thống của dân tộc Việt Nam. Đặc điểm đánh dấu sự chuyển biến và khôi phục này thể hiện ở chỗ: Ngô Thì Nhậm là một trong những trí thức nho học Việt Nam đầu tiên lên tiếng với sự “ngu trung”. Tột đỉnh của lòng “trung thứ” chính là lấy cái chết để trả ơn vua. Tuy nhiên, Ngô Thì Nhậm xác định: “Nghĩa của kẻ làm bầy tôi có trường hợp nên chết, có trường hợp không nên chết, có cái chết đúng nghĩa, cũng có cái chết không đúng nghĩa” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 182). Đứng trước cái chết, kẻ bề tôi phải suy nghĩ thật kỹ, cái chết của mình có mang lại lợi ích gì cho đất nước hay không, nếu chỉ vì cố tỏ ra mình là người trung thành với vua mà chết thì đó là cái chết không đúng với khái niệm “trung”. Chính vì vậy, Ngô Thì Nhậm luôn nhắc nhở bản thân mình và bạn bè mình là “chớ coi sinh tử là việc chơi” (Ngô Thì Nhậm, tập 5, 2006: 74). Trong khi thực hiện “trung”, kẻ bề tôi tận tâm tận lực, đôi lúc cũng phải hi sinh cả tính mạng của mình để bảo vệ nhà vua, bảo vệ đất nước. Nhưng Ngô Thì Nhậm cho biết: “Có cái chết nặng hơn núi Thái Sơn, có cái chết nhẹ hơn lông chim hồng. Chết không phải đạo, cố chấp vào những điều nhỏ nhặt như bọn sát phu sát phụ, là điều người quân tử không làm” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 534) và “không cho người ta xem nhẹ cái chết” (Ngô Thì Nhậm, tập 5, 2006: 309). Thậm chí, trong cuộc chiến sinh tử, người quân tử “phải bất chấp, cốt giữ lấy tấm thân, đó là tiết tháo lập

thân của kẻ sĩ phu” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 534). Đối với một kẻ sĩ chân chính, vẫn còn một thứ rất quan trọng, có thể nói là quan trọng hơn vua, đó là việc nước việc nhà. Chính vì vậy, cần phải vượt qua và làm chủ những cảm xúc của bản thân, tránh việc “chết uổng vô ích chi bằng cố sống để lo liệu” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 294). Có thể thấy, với quan niệm “trung” của mình, Ngô Thì Nhậm đã vượt lên trên các chuẩn mực đạo đức trung quân của nhà nho, chọn lấy cho mình một con đường đúng đắn, phù hợp với đạo lý của dân tộc.

Trong thời gian này, Nguyễn Huệ đã hai lần kéo quân ra Bắc với danh nghĩa “phù Lê diệt Trịnh” và được toàn thể nhân dân ủng hộ nên đã nhanh chóng khuất phục bè lũ chúa Trịnh Tông. Từ chỗ tin tưởng vào vua Lê - chúa Trịnh để thực hiện ý chí Hy Doãn của mình, Ngô Thì Nhậm từng bước phủ định nhà Chúa, hướng tâm trí đến vua Lê, nhưng thế cuộc của vua Lê vẫn không thể giúp ông thỏa mãn ý chí của mình. Việc ông hướng đến nghĩa quân Tây Sơn là một điều tất nhiên và là một sự phát triển trong tư tưởng yêu nước của ông, nó hoàn toàn không còn mang tính chất ngẫu nhiên. Lúc này, tư tưởng yêu nước của Ngô Thì Nhậm đã mang dáng dấp của hệ tư tưởng hiện đại, “trung quân ái quốc” gần như chuyển thành “trung với nước, hiếu với dân”. Đây chính là nét tiến bộ trong tư tưởng yêu nước của ông.

2.3. Chữ trung gắn với tư tưởng vì dân

“Khoan thư sức dân” là một truyền thống tốt đẹp của các triều đại phong kiến Việt Nam. Mỗi thời điểm lịch sử khác nhau, việc thực hiện “khoan thư sức dân” được thể hiện một cách khác nhau. Ở thế kỷ XVIII, theo Ngô Thì Nhậm, “khoan thư sức dân” là phải dựa vào dân, bởi: “Thiên tử vì dân mà nghe ngóng, trông coi, một khi lòng dân được khởi phát thì ý của thiên tử có thể đạt được” (Ngô Thì Nhậm, tập 1, 2003: 576). Ngô Thì Nhậm đã gần như đồng nhất và xem dân với nước là một khi viết: “Vua không dân biết cùng ai giữ nước” (Ngô Thì Nhậm, tập 2, 2004: 634). Vua anh minh hào kiệt đến đâu cũng phải nhờ vào dân để giữ nước và giữ nước cũng chính là cách để bảo vệ dân. Như vậy, thực hành chữ “trung”, không gì khác là lấy dân làm mục tiêu và trung thành với nhân dân. Tinh thần “khoan thư sức dân” chính là một trong những biểu hiện cơ bản của việc thực hành chữ “trung”, là trách nhiệm của người làm quan. Ngô Thì Nhậm nêu lý do duy nhất để thực hành chữ “trung”: “yêu dân, nuôi dân làm đầu, chính vì thế mà những kẻ thần tử thừa hành trở hết lòng trung” (Ngô Thì Nhậm, tập 1, 2003: 598). Có thể thấy, Ngô Thì Nhậm đã bổ sung tính hành động vào quan niệm về chữ “trung” của hệ tư tưởng yêu nước Việt Nam. Trong tinh thần yêu nước truyền thống Việt Nam: “dân với nước là một”, trung thành với đất nước cũng là hiếu nghĩa với nhân dân và hiếu nghĩa với nhân dân là trung thành với đất nước.

Với quan điểm “khoan thư sức dân” để thực hành chữ “trung”, năm 1770, khi nhận chức Hiến Sứ Hải Dương, ông đã bỏ công xem xét tình hình dân chúng, ngay lập tức dâng lên triều đình bản *Khải điều trần về tình tệ xứ Hải Dương* yêu cầu triều đình “bồi dưỡng sức dân, là công việc trước mắt không thể trì hoãn” (Ngô Thì Nhậm, tập 1, 2003: 566) và là công việc cần phải làm thường xuyên nếu muốn gìn giữ nền thịnh trị của đất nước. Tinh thần “khoan thư sức dân” được thể hiện xuyên suốt trong quá trình thực hành những nội dung của chữ “trung”. Ngay từ những ngày làm quan cho triều đình nhà Lê - Trịnh, Ngô Thì Nhậm (tập 2, 2004: 47) đã xác định trách nhiệm của người tôi trung là: “giúp dân yên vui” nên khi chứng kiến cảnh suy đồi, dân tình loạn lạc, “Nam Bắc phân chia, kỷ cương chưa đều khắp, mà Bắc Hà là nơi thậm tệ nhất, đã hơn 200 năm nay, u ám tối tăm” (Ngô Thì Nhậm, tập 2, 2004: 692) vì sự tha hóa của triều đình Lê - Trịnh, Ngô Thì Nhậm khẳng khái viết *Phú biểu lòng trung* và khẳng định: “nước gặp buổi loạn, thì ai trung thành mới hay” (Ngô Thì Nhậm, tập 2, 2004: 390). Dĩ nhiên, trung thành ở đây được thể hiện là trung thành với nhân dân. Nên khi nhà Tây Sơn khởi binh dẹp loạn, Ngô Thì Nhậm đã theo phò tá vua Quang Trung với mục tiêu duy nhất là “đưa dân ta tới cõi thanh bình” (Ngô Thì Nhậm, tập 2, 2004: 616).

Bằng việc gắn chữ trung với tinh thần “khoan thư sức dân”, Ngô Thì Nhậm

đã đặt lợi ích của dân tộc, lợi ích của đất nước lên trên lợi ích của cá nhân. Với quan điểm về chữ “trung” thể hiện trong hành động: “làm bầy tôi, khi nhận mệnh ra ngoài bờ cõi phải vì nước quên nhà, đâu có thể làm những việc nhỏ của mình trước, làm việc quan trọng của quốc gia sau” (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 542), Ngô Thì Nhậm đã đạt đến giá trị đạo đức “chí công vô tư” của người làm quan. “Chí công vô tư” – là công bình, chính trực; không thiên vị, không tự tư, tự lợi; mọi hành động đều vì đại nghĩa, vì lợi ích chính đáng của nhân loại, quốc gia, dân tộc, cộng đồng là trên hết. Như vậy, “chí công vô tư” chính là một chất liệu quan trọng tạo thành quan niệm về chữ “trung”, và là một cách thức thể hiện tinh thần yêu nước.

4. KẾT LUẬN

Quan niệm về chữ “trung” của Ngô Thì Nhậm trong những ngày đầu làm quan cho triều đình Lê - Trịnh chịu

ảnh hưởng của các quan điểm trung quân theo lập trường Hán và Tống Nho. Tuy nhiên, trực tiếp chứng kiến sự lũng đoạn của triều đình đối với đất nước và đối với cuộc sống của nhân dân, tư tưởng trung quân của Ngô Thì Nhậm đã có sự chuyển biến quan trọng từ lập trường Hán - Tống Nho trở về với quan điểm trung quân nguyên thủy của Nho giáo, cũng như những giá trị về tinh thần “trung quân”, tức là “trung với nước” trong truyền thống của người Việt Nam. Chữ “trung” trong tư tưởng yêu nước Ngô Thì Nhậm thể hiện qua việc kết hợp “trung” với “tín” trên nền tảng sự trung thành với quyền lợi của đất nước, của nhân dân. Nhờ những bước chuyển trong quan niệm về chữ “trung”, Ngô Thì Nhậm đã đứng về phía những người nông dân và có nhiều đóng góp trong việc bảo vệ đất nước trước sự xâm lược của nhà Thanh – Trung Quốc (thế kỷ XVIII). □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Ngô Thì Nhậm theo *Nam Hoa kinh - Ngoại vật thiên* của Trang Tử: “Bắt được cá thì quên đó, bắt được thỏ thì quên lưới”. Cái đó và tấm lưới ở đây dùng để chỉ phương tiện để đạt mục đích. Và theo Trang Tử, *Tâm tâm thượng*: “Ngũ bá giả chi dã” - Năm đời bá mọn cái tiếng nhân nghĩa để lợi dụng (Ngô Thì Nhậm, tập 4, 2005: 117).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cao Huy Giu (dịch). 1971. *Đại Việt sử ký toàn thư. Tập 2*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1997. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
3. Ngô Thì Nhậm. 2003 - 2006. *Ngô Thì Nhậm toàn tập* – tập 1 đến tập 5. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
4. Trần Ngọc Thêm. 1997. *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam (cái nhìn hệ thống và loại hình)* (in lần thứ 2). TPHCM: Nxb. TPHCM.
5. Vũ Văn Mẫu. 1971. *Cổ luật Việt Nam thông khảo*. Sài Gòn: Nxb. Sài Gòn.